

Bản án số: 04/2024/DS-PT.

Ngày 08 - 01 - 2024.

V/v “Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Lạc.

Bà Võ Thị Mỹ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2023/TLPT - DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 300/2023/QĐ - PT ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị B, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:**

1. Anh Nguyễn Văn Bé T, sinh năm 1975 (có mặt).

2. Chị Lý Thị M, sinh năm 1989 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lý Văn V, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Chị Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng hộ khẩu thường trú: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn Bé T và chị Lý Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 22/5/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:*

Bà B có cho anh Nguyễn Văn Bé T và chị Lý Thị M vay số tiền 600.000.000đ vốn để mua bất động sản ở Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Ngày 28/02/2022 (âl) cho vay 400.000.000đ hạn 10 ngày sau trả và ngày 07/3/2022 (âl) cho vay 200.000.000đ hạn 05 ngày sau trả, không có thỏa thuận lãi suất. Nhưng từ khi vay tiền cho đến nay anh B1 T và chị M chưa trả như thỏa thuận. Do chỗ quen biết với nhau nên tin tưởng khi cho vay không có làm biên nhận nợ. Chị M có trả lãi nhưng của số tiền vay khác trước đó, còn số tiền 600.000.000đ vay sau này không có trả lãi.

Bà B thống nhất nhận 200.000.000đ từ chị M và sẽ giao chiếc xe BKS: 71A - 108.27 trả lại anh Lý Văn V vào lúc 14 giờ ngày 12/9/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Nay bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn Bé T và chị Lý Thị M trả số tiền vốn vay 600.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lý Thị M trình bày:

Chị Lý Thị M thừa nhận có vay của nguyên đơn bà Lê Thị B số tiền 600.000.000đ vốn đến nay chưa trả, số tiền này không có liên quan gì đến anh Nguyễn Văn Bé T. Số tiền này chị M vay để đưa cho anh Lý Văn V và chị Nguyễn Thị Xuân H vay lại để hưởng chênh lệch lãi suất. Khi vay có thỏa thuận lãi suất. Ngày 09/02/2022 (âl) là ngày đầu tiên nhận tiền 500.000.000đ. Trả lãi được 10 ngày số tiền 25.000.000đ. Sau đó có trả vốn và lãi của số tiền vay này xong. Do cần tiền nên có vay lại của bà B 02 lần tổng cộng là 600.000.000đ vốn như đã thừa nhận trên, sau khi vay có trả lãi của số tiền này là 100.000.000đ, số tiền 100.000.000đ trả lãi không có làm biên nhận. Chị M xác nhận số tiền còn nợ bà B đến nay là 600.000.000đ vốn và yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi 125.000.000đ mà chị đã trả cho bà B.

Anh Lý Văn V có giao chiếc xe màu đen BKS: 71A - 108.27 đứng tên Lý Văn V do Công an tỉnh B cấp cho bà B giữ để cản trừ hết nợ. Khi anh V giao xe có làm giấy nhưng giấy đó hiện nay bà B đang giữ. Toàn bộ số tiền vay của bà B, chị M đã chuyển khoản cho anh V và chị H. Chị chưa nhận được tiền lãi của anh V và chị H. Số tiền này anh V, chị H vay để kinh doanh nhà đất.

Qua yêu cầu của nguyên đơn, chị M có ý kiến là sẽ cản trừ tiền bán xe để trừ nợ cho bà B, nếu như sau khi cản trừ trả chưa hết số tiền chị nợ bà B thì chị M sẽ trả tiếp số tiền còn lại cho bà B. Chị M thống nhất giao cho bà B 200.000.000đ từ anh V vào lúc 14 giờ ngày 12/9/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Long Hồ. Nếu không thì chị M sẽ trả nợ Ngân hàng V1 cho anh V số tiền 300.000.000đ và anh V sẽ bán xe lại cho chị M với giá 480.000.000đ. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Bé T trình bày:

Anh Nguyễn Văn Bé T không biết việc chị M vay 600.000.000đ vốn của bà B. Sau đó anh B1 T mới biết và nay anh đồng ý cùng chị M trả nợ cho bà B, nhưng xin trả nhiều lần. Nếu anh V và chị H trả tiền cho vợ chồng anh thì anh sẽ cố gắng trả tiền cho bà B trong thời gian sớm nhất.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn V trình bày: Anh V có giao chiếc xe màu đen BKS: 71A - 108.27 đứng tên Lý Văn V cho bà Lê Thị B để làm đảm bảo việc trả nợ của chị M cho bà B. Chiếc xe đã thế chấp cho Ngân hàng T1 – Chi nhánh T2. Anh Lý Văn V thống nhất giao cho chị M số tiền 200.000.000đ vào lúc 14 giờ ngày 12/9/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Long Hồ. Nếu không thì chị M sẽ trả nợ ngân hàng V1 cho anh V số tiền 300.000.000đ và anh V sẽ bán xe lại cho chị M với giá 500.000.000đ. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 92, 144, 147, 150, 227, 228, 244 và 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị B.

Buộc chị Lý Thị M và anh Nguyễn Văn Bé T có trách nhiệm liên đới trả bà Lê Thị B số tiền 452.650.000đ (bốn trăm năm mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo các của đương sự.

Ngày 25/8/2023 bị đơn chị Lý Thị M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc anh Lý Văn V và chị Nguyễn Thị Xuân H phải liên đới trả tiền cho bà B và yêu cầu khấu trừ toàn bộ số tiền bán xe để trả cho bà B là 435.000.000đ, không phải 147.350.000đ như án sơ thẩm đã khấu trừ.

Ngày 25/8/2023 bị đơn anh Nguyễn Văn Bé T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không buộc anh phải liên đới cùng chị M trả nợ cho bà B, buộc anh Lý Văn V và chị Nguyễn Thị Xuân H phải liên đới trả tiền cho bà B và yêu cầu khấu trừ toàn bộ số tiền bán xe để trả cho

bà B là 435.000.000đ, không phải 147.350.000đ như án sơ thẩm đã khấu trừ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn chị Lý Thị M và anh Nguyễn Văn Bé T vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà Lê Thị B không đồng ý yêu cầu kháng cáo của chị M và anh B1 T đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Lý Thị M và anh Nguyễn Văn Bé T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc chị Lý Thị M và anh Nguyễn Văn Bé T mỗi người phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục:* Đơn kháng cáo của bị đơn chị Lý Thị M và anh Nguyễn Văn Bé T đúng về hình thức, nội dung và còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:*

[1] Nguyên đơn bà B khởi kiện yêu cầu bị đơn chị M và anh B1 T trả số tiền 600.000.000đ vốn và không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà B thay đổi khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn chị M và anh Bé T trả số tiền 452.650.000đ.

Anh V là chủ sở hữu xe ô tô biển số 71A-108.27, ngày 12/9/2022 anh V lập văn bản uỷ quyền cho anh L chuyển nhượng xe để thanh toán nợ vay khi mua xe và trả tiền cho bà B. Trên cơ sở văn bản uỷ quyền của anh V ngày 13/9/2022 tại Văn phòng C anh Phan Thanh L1 đại diện theo uỷ quyền của anh V bán xe cho anh Nguyễn Lữ Gia H1 với số tiền 435.000.000đ (BL 12-17) và tại bản khai của anh L1 (BL 43) thừa nhận sau khi bán xe của anh V với số tiền 435.000.000đ thì anh L1 đã thanh toán các chi phí sau: Trả khoản vay khi anh V mua xe 235.000.000đ; thanh toán thẻ tín dụng cho anh V 21.711.000đ; anh V nhận tiền mặt 22.989.000đ; tiền thuê xe cho 02 lần đi Thành phố Hồ Chí Minh là 3.200.000đ; tiền trả phí uỷ quyền và phí cho công chứng viên đi theo lên Thành phố Hồ Chí Minh 1.100.000đ; phí làm hợp đồng bán xe 650.000đ; làm chìa khóa xe điện tử do anh V không đưa chìa khóa xe thứ hai cho anh H1 3.000.000đ. Tổng cộng các khoản trên: 287.650.000đ còn lại 147.350.000đ thì anh V kêu anh L1 trả cho bà B nhận. Tại biên bản hoà giải ngày 06/9/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/8/2023 chị M và anh B1 T thừa nhận có vay của bà B 600.000.000đ vốn nhưng yêu cầu khấu trừ vào toàn bộ số tiền 435.000.000đ anh L1 bán xe của anh V vào tiền nợ. Nhưng anh L1 là người đại diện cho anh V cho rằng số tiền bán xe chỉ thanh toán cho bà B 147.350.000đ, phía chị M và anh B1 T không đưa ra được chứng cứ để chứng minh toàn bộ tiền bán xe của anh V trả cho bà B, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị M và anh B1 T yêu cầu khấu trừ toàn bộ số tiền bán xe của anh V trả cho bà B là 435.000.000đ.

[2] Việc chị M vay tiền và nhận trực tiếp từ bà B, vợ chồng chị M và anh B1 T không đưa ra được chứng cứ anh V và chị H là người vay tiền

của bà B. Nên không chấp nhận kháng cáo của chị M và anh B1 T yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Lý Văn V và chị Nguyễn Thị Xuân H liên đới trả tiền cho bà B.

[3] Anh Bé T và chị M là vợ chồng, từ khi cưới nhau và sống chung cho đến nay hơn 10 năm không có ly hôn. Trong cuộc sống vợ chồng anh B1 T bỏ chi phí ra lo cho gia đình nhiều hơn chị M nhưng vẫn cùng làm ăn kinh tế chung. Tuy nhiên, anh B1 T cho rằng việc chị M vay tiền của bà B 600.000.000đ anh không biết đây là nợ riêng của chị M. Nhưng ngày 17/6/2022 anh Bé T có làm tờ bảo lãnh trả nợ cho bà B số tiền 600.000.000đ đã vay. Mặc khác, tại biên bản hoà giải ngày 06/9/2022 và tại phiên toà sơ thẩm ngày 11/8/2023 anh B1 T đồng ý cùng chị M trả nợ cho bà B. Toà án cấp sơ thẩm xử buộc anh Bé T và chị M liên đới trả tiền cho bà B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015. Nên không chấp nhận việc anh Bé T kháng cáo không đồng ý liên đới cùng chị M trả nợ cho bà B.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo của chị M và anh B1 T giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc chị Lý Thị M và anh Nguyễn Văn Bé T mỗi người nộp 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Lý Thị M và anh Nguyễn Văn Bé T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 92, 144, 147, 150, 227, 228, 244, 266 và 293 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B.

- Buộc chị Lý Thị M và anh Nguyễn Văn Bé T có trách nhiệm liên đới trả bà Lê Thị B số tiền 452.650.000đ (bốn trăm năm mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Lý Thị M và anh Nguyễn Văn Bé T nộp 22.106.000đ (hai mươi hai triệu một trăm lẻ sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho bà Lê Thị B 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003941 ngày 23/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc chị Lý Thị M và anh Nguyễn Văn Bé T mỗi người phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị M và anh B1 T mỗi người đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005268 và 0005269 cùng ngày 25/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ. Chị M và anh Bé T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND huyện Long Hồ: 01b;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trường